

Phụ lục I
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH QUẢNG NAM
NĂM 2021 (CHUYÊN MÔN Y, DƯỢC HẠNG III)
(Kèm theo Quyết định số:3050/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM UÙ TIÊN	TỔNG ĐIỂM
1	0829	Vũ Thị	Liên	25/11/1996	Nữ	Bác sĩ hạng III	98,5	5,0	103,5
2	0914	Lê Thị	Vinh	18/4/1982	Nữ	Bác sĩ hạng III	98,5	5,0	103,5
3	0827	Lưu Nguyễn Phương	Lan	10/9/1991	Nữ	Bác sĩ hạng III	100,0		100,0
4	0905	Võ Ngọc	Thống	21/5/1991	Nam	Bác sĩ hạng III	100,0		100,0
5	0899	Phan Nữ Mỹ	Phương	13/11/1992	Nữ	Bác sĩ hạng III	99,5		99,5
6	0898	Phạm Lê Xuân	Phú	15/6/1988	Nam	Bác sĩ hạng III	99,0		99,0
7	0906	Hồ Thị Thanh	Thùy	21/8/1995	Nữ	Bác sĩ hạng III	86,5	5,0	91,5
8	0893	Hồ Nguyễn Phương	Ly	6/7/1986	Nữ	Bác sĩ hạng III	86,0	5,0	91,0
9	0907	Alăng	Tích	14/9/1982	Nam	Bác sĩ hạng III	85,5	5,0	90,5
10	0894	Nguyễn Võ Diệu	My	4/3/1991	Nữ	Bác sĩ hạng III	90,0		90,0
11	0895	Trần Lệ	Nguyệt	9/11/1997	Nữ	Bác sĩ hạng III	90,0		90,0
12	0896	A ting	Nhon	1/5/1989	Nam	Bác sĩ hạng III	85,0	5,0	90,0
13	0818	Nguyễn Văn	Dũng	14/9/1971	Nam	Bác sĩ hạng III	88,0		88,0
14	0817	Trần Hữu	Dư	5/5/1974	Nam	Bác sĩ hạng III	87,0		87,0
15	0830	Huỳnh Thị	Linh	1/1/1981	Nữ	Bác sĩ hạng III	79,5	5,0	84,5

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
16	0823	Lê Thị	Hằng	15/7/1981	Nữ	Bác sĩ hạng III	75,0	5,0	80,0
17	0902	Trương Công	Sang	14/12/1991	Nam	Bác sĩ hạng III	80,0		80,0
18	0900	Phạm Phú	Quốc	13/9/1991	Nam	Bác sĩ hạng III	79,0		79,0
19	0826	Lê Trung	Khánh	16/6/1991	Nam	Bác sĩ hạng III	75,5		75,5
20	0904	Võ Tường	Tam	1/11/1985	Nam	Bác sĩ hạng III	74,5		74,5
21	0811	Lê Trần Thị Ái	Châu	10/5/1995	Nữ	Bác sĩ hạng III	67,5		67,5
22	0821	Hồ Thị Ngọc	Hà	1/1/1996	Nữ	Bác sĩ hạng III	65,0		65,0
23	0820	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	8/10/1995	Nữ	Bác sĩ hạng III	58,0	5,0	63,0
24	0814	Trần Thanh	Chương	19/4/1983	Nam	Bác sĩ hạng III	54,5	5,0	59,5
25	0831	Huỳnh Thị Trúc	Linh	1/4/1996	Nữ	Bác sĩ hạng III	54,0	5,0	59,0
26	0816	Hồ Văn	Đông	21/2/1992	Nam	Bác sĩ hạng III	52,0	5,0	57,0
27	0819	Nguyễn Công	Dưỡng	20/3/1991	Nam	Bác sĩ hạng III	52,0	2,5	54,5
28	0825	Trần Quốc	Hùng	24/1/1989	Nam	Bác sĩ hạng III	51,0	5,0	56,0
29	0815	Vương	Dân	7/6/1971	Nam	Bác sĩ hạng III	54,5		54,5
30	0903	Trương Tấn	Tài	2/5/1992	Nam	Bác sĩ hạng III	54,5		54,5
31	0778	Trần Lê Đình	Viên	1/10/1995	Nam	Bác sĩ hạng III	68,5		68,5
32	0777	Văn Phú	Thuận	2/7/1979	Nam	Bác sĩ hạng III	55,0	5,0	60,0
33	0797	Hoàng Thị	Thanh	9/6/1991	Nữ	Bác sĩ hạng III	99,5		99,5

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
34	0802	Châu Trinh	Thương	17/9/1997	Nữ	Bác sĩ hạng III	99,5		99,5
35	0805	Mai Thị Phương	Trúc	4/11/1994	Nữ	Bác sĩ hạng III	99,5		99,5
36	0806	Nguyễn Thanh	Tuyền	9/8/1994	Nữ	Bác sĩ hạng III	99,5		99,5
37	0788	Trần Lê Thiên	Phúc	6/4/1997	Nữ	Bác sĩ hạng III	99,0		99,0
38	0787	Nguyễn Lê Tiểu	Ni	1/11/1995	Nữ	Bác sĩ hạng III	98,5		98,5
39	0796	Bùi Thị Thu	Thanh	19/2/1995	Nữ	Bác sĩ hạng III	96,5		96,5
40	0798	Đoàn	Thao	14/5/1996	Nam	Bác sĩ hạng III	91,5		91,5
41	0803	Nguyễn Thị	Thuyền	6/5/1994	Nữ	Bác sĩ hạng III	84,5		84,5
42	0799	Đinh Thị Thu	Thảo	18/2/1996	Nữ	Bác sĩ hạng III	82,0		82,0
43	0784	Trần Đức	Huy	23/5/1995	Nam	Bác sĩ hạng III	63,0		63,0
44	0915	Nguyễn Thị Khánh	Vy	26/10/1993	Nữ	Bác sĩ hạng III	77,0		77,0
45	0916	Phạm Thị	Hằng	18/3/1995	Nữ	Bác sĩ hạng III	62,0		62,0
46	0917	Đỗ Kim	Cường	5/10/1990	Nam	Bác sĩ hạng III	89,5		89,5
47	0918	Nguyễn Thuý	Bích	29/1/1995	Nữ	Bác sĩ hạng III	71,5		71,5
48	0921	Trần Thanh	Trường	6/1/1993	Nam	Bác sĩ hạng III	60,0		60,0
49	0922	Hồ Công	Luân	14/9/1997	Nam	Bác sĩ hạng III	75,5		75,5
50	0925	Lê Đỗ Thúy	Diễm	9/10/1994	Nữ	Bác sĩ hạng III	88,0		88,0
51	0926	Huỳnh Thị Thu	Thảo	20/4/1994	Nữ	Bác sĩ hạng III	79,5		79,5

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
52	0936	A rất	Nhura	18/6/1980	Nam	Bác sĩ hạng III	98,0	5,0	103,0
53	0935	Thái Tấn	Huy	30/12/1984	Nam	Bác sĩ hạng III	76,5		76,5
54	0937	Arát	Kem	24/8/1984	Nam	Bác sĩ hạng III	95,0	5,0	100,0
55	0942	Phan Thị Tuyết	Trinh	29/10/1996	Nữ	Bác sĩ hạng III	96,5		96,5
56	0941	Nguyễn Hồng	Nhật	13/3/1996	Nam	Bác sĩ hạng III	85,0		85,0
57	0940	Trịnh Quang	Danh	31/7/1994	Nam	Bác sĩ hạng III	80,0		80,0
58	0939	Hoàng Thị	Ân	7/8/1996	Nữ	Bác sĩ hạng III	78,5		78,5
59	1024	Huỳnh Chi	Anh	2/6/1995	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	100,0		100,0
60	1026	Lý Thị Thủy	Chung	1/12/1997	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	100,0		100,0
61	1037	Lê Thị	Lành	6/9/1992	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	100,0		100,0
62	1040	Phạm Duy Phương	Nhi	31/12/1995	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	100,0		100,0
63	1041	Nguyễn Thành	Phát	1/2/1995	Nam	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	100,0		100,0
64	1061	Nguyễn Thị Hà	Vân	24/3/1996	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	100,0		100,0
65	1053	Võ Thị	Tiên	1/1/1995	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	99,5		99,5
66	1027	Dương Thanh Trang	Đài	18/6/1995	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	99,0		99,0
67	1030	Lê Đức	Hậu	1/2/1995	Nam	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	98,5		98,5
68	1034	Bùi Vũ Minh	Hoàng	10/8/1994	Nam	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	97,0		97,0
69	1038	Nguyễn Thị Thanh	Ly	22/12/1995	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	96,5		96,5

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
70	1032	Lại Thị	Hiệp	10/4/1995	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	95,0		95,0
71	1062	Trần Thị Kim	Vương	18/4/1995	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	88,0		88,0
72	1035	Phạm Vũ	Hồng	10/4/1996	Nam	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	76,5		76,5
73	1047	Phan Thị Anh	Thư	28/5/1995	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	76,5		76,5
74	1054	Nguyễn Trung	Tính	28/8/1995	Nam	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	74,0		74,0
75	1044	Đỗ Trường	Quang	3/11/1996	Nam	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	63,5		63,5
76	1033	Lại Thế	Hòa	9/10/1996	Nam	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	62,0		62,0
77	1060	Đỗ Thanh	Tuyền	6/11/1997	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	59,5		59,5
78	1029	Lê Thị Phương	Dung	10/8/1996	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	56,5		56,5
79	1045	Phạm Thị Bích	Thảo	13/11/1994	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	56,0		56,0
80	1064	Nguyễn Thị Thảo	Ly	14/9/1995	Nữ	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	99,5		99,5
81	1065	Hồ Thanh	Nhật	3/5/1994	Nam	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	62,5		62,5
82	1068	Văn Thị Mỹ	Duyên	13/8/1994	Nữ	Dược sĩ hạng III	100,0		100,0
83	1080	Nguyễn Thị Thanh	Quyền	23/9/1992	Nữ	Dược sĩ hạng III	98,3		98,3
84	1088	Phạm Thị Thảo	Vy	15/9/1995	Nữ	Dược sĩ hạng III	85,3		85,3
85	1073	Nguyễn Thị Diễm	Hồng	24/11/1995	Nữ	Dược sĩ hạng III	85,0		85,0
86	1081	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/12/1995	Nữ	Dược sĩ hạng III	85,0		85,0
87	1077	Trần Hoàng	Long	14/10/1995	Nam	Dược sĩ hạng III	83,0		83,0

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
88	0195	Hùng Thị Thu	Thúy	28/6/1995	Nữ	Điều dưỡng hạng III	96,0	5,0	101,0
89	0162	Lương Thị Kim	Hồng	6/10/1990	Nữ	Điều dưỡng hạng III	100,0		100,0
90	0180	Lê Thị Kim	Phúc	28/12/1996	Nữ	Điều dưỡng hạng III	100,0		100,0
91	0188	Doãn Thị Băng	Thanh	8/10/1989	Nữ	Điều dưỡng hạng III	100,0		100,0
92	0165	Trần Thị Thanh	Hương	18/12/1994	Nữ	Điều dưỡng hạng III	99,9		99,9
93	0201	Trần Thị Lê	Vy	20/12/1995	Nữ	Điều dưỡng hạng III	99,9		99,9
94	0153	Ngô Thị	Châu	29/3/1994	Nữ	Điều dưỡng hạng III	99,3		99,3
95	0181	Trần Thị	Phương	20/4/1987	Nữ	Điều dưỡng hạng III	97,4		97,4
96	0194	Hà Thị Minh	Thuý	10/6/1989	Nữ	Điều dưỡng hạng III	96,8		96,8
97	0198	Phạm Thị	Trinh	1/4/1993	Nữ	Điều dưỡng hạng III	96,0		96,0
98	0166	Nguyễn Thị	Hường	24/11/1989	Nữ	Điều dưỡng hạng III	93,8		93,8
99	0203	Võ Thị	Ý	20/4/1994	Nữ	Điều dưỡng hạng III	92,2		92,2
100	0187	Đỗ Thị	Thắm	8/6/1988	Nữ	Điều dưỡng hạng III	89,0		89,0
101	0184	Trần Thị	Quý	13/12/1991	Nữ	Điều dưỡng hạng III	88,5		88,5
102	0182	Trần Thị	Phương	11/8/1990	Nữ	Điều dưỡng hạng III	87,5		87,5
103	0161	Huỳnh Thị	Hòa	4/4/1996	Nữ	Điều dưỡng hạng III	87,0		87,0
104	0197	Trần Thị Thùy	Trang	12/5/1989	Nữ	Điều dưỡng hạng III	86,3		86,3
105	0192	Phan Thị	Thôi	27/2/1991	Nữ	Điều dưỡng hạng III	84,6		84,6

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
106	0160	Nguyễn Thị Thu	Hiền	3/2/1991	Nữ	Điều dưỡng hạng III	83,1		83,1
107	0185	Hoàng Thị	Sáu	24/2/1991	Nữ	Điều dưỡng hạng III	78,0	5,0	83,0
108	0169	Nguyễn Thị	Khỏe	12/8/1991	Nữ	Điều dưỡng hạng III	82,5		82,5
109	0196	Nguyễn Thị Thu	Trang	7/8/1998	Nữ	Điều dưỡng hạng III	81,2		81,2
110	0193	Huỳnh Trần Thanh	Thu	9/7/1993	Nữ	Điều dưỡng hạng III	78,9		78,9
111	0202	Đồng Thị Như	Ý	15/1/1995	Nữ	Điều dưỡng hạng III	98,0		98,0
112	0159	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	25/1/1994	Nữ	Điều dưỡng hạng III	91,5		91,5
113	0164	Huỳnh Thị Lan	Hương	9/9/1988	Nữ	Điều dưỡng hạng III	90,5		90,5
114	0209	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	20/6/1990	Nữ	Điều dưỡng hạng III	85,8		85,8
115	0208	Trần Thị Kiều	Diễm	1/12/1990	Nữ	Điều dưỡng hạng III	77,4		77,4
116	0210	Trần Thị Thu	Thảo	29/4/1992	Nữ	Điều dưỡng hạng III	70,3		70,3
117	0751	Dương Văn	Vỹ	28/8/1990	Nam	Kỹ thuật Y học hạng III (Chẩn đoán hình ảnh)	69,0		69,0
118	0745	Lê Thị	Ân	2/12/1994	Nữ	Hộ sinh hạng III	91,5		91,5
119	0748	Poloong Thị	Nhung	12/12/1996	Nữ	Hộ sinh hạng III	81,5	5,0	86,5
120	0493	Đỗ Thị	Đào	4/2/1992	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng III (Xét nghiệm)	97,0		97,0
121	0494	Lê Thị Kiều	Diễn	28/4/1993	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng III (Xét nghiệm)	94,0		94,0
122	0504	Lê Thị Diễm	Phước	1/11/1993	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng III (Xét nghiệm)	72,0	5,0	77,0

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
123	0506	Nguyễn Diễm Hồng	Quyên	26/4/1999	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng III (Xét nghiệm)	68,5		68,5
124	0500	Trịnh Thị Xuân	Ngọc	25/9/1991	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng III (Xét nghiệm)	62,0		62,0
125	0578	Đỗ Thị Thùy	Linh	12/12/1989	Nữ	Y tế công cộng hạng III	98,0		98,0
126	0591	Nguyễn Anh	Tuấn	19/10/1996	Nam	Y tế công cộng hạng III	96,4		96,4
127	0592	Trần Xuân	Vĩ	12/3/1988	Nam	Y tế công cộng hạng III	86,9		86,9
128	0579	Lê Thị	Linh	20/4/1996	Nữ	Y tế công cộng hạng III	84,7		84,7
129	0589	Bríu	Tranh	15/6/1988	Nam	Y tế công cộng hạng III	78,4	5,0	83,4
130	0573	Nguyễn Thị	An	20/7/1991	Nữ	Y tế công cộng hạng III	75,5		75,5
131	0586	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/6/1989	Nữ	Y tế công cộng hạng III	61,8		61,8
132	0580	Nguyễn Thị Phương	Linh	1/1/1995	Nữ	Y tế công cộng hạng III	60,4		60,4
133	0575	Hồ Bá	Dũng	7/7/1990	Nam	Y tế công cộng hạng III	54,8		54,8
134	0574	Trần Thị Thu	Bích	10/3/1980	Nữ	Y tế công cộng hạng III	54,3		54,3
135	0594	Nguyễn Quang	Nghị	4/1/1996	Nam	Y tế công cộng hạng III	97,7		97,7
136	0595	Phan Thành	Tuân	24/7/1986	Nam	Y tế công cộng hạng III	68,2		68,2
137	0596	Huỳnh Quang	Công	25/3/1995	Nam	Y tế công cộng hạng III	97,6		97,6

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
138	0597	Nguyễn Như	Ý	20/10/1993	Nam	Y tế công cộng hạng III	62,7		62,7
139	0598	Trương Công Gia	Huy	20/1/1995	Nam	Y tế công cộng hạng III	75,7		75,7

Danh sách gồm 139 người trúng tuyển./.

Phụ lục II**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH QUẢNG NAM
NĂM 2021 (CHUYÊN MÔN Y, ĐƯỢC HẠNG IV)***(Kèm theo Quyết định số:3050/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)*

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
1	0265	Lê Thị Phương	Thảo	27/6/1992	Nữ	Dược sĩ hạng IV	96,8	5,0	101,8
2	0248	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	7/2/1986	Nữ	Dược sĩ hạng IV	96,5	5,0	101,5
3	0227	Nguyễn Thị Thu	Hương	8/8/1992	Nữ	Dược sĩ hạng IV	100,0		100,0
4	0266	Lê Thị Thu	Thảo	20/12/1997	Nữ	Dược sĩ hạng IV	100,0		100,0
5	0267	Phan Thị Thanh	Thảo	1/1/1998	Nữ	Dược sĩ hạng IV	100,0		100,0
6	0217	Hồ Thị	Châu	1/2/1992	Nữ	Dược sĩ hạng IV	99,5		99,5
7	0226	Nguyễn Thị	Huệ	20/12/1988	Nữ	Dược sĩ hạng IV	99,5		99,5
8	0237	Đặng Thị Khánh	Ly	29/7/1991	Nữ	Dược sĩ hạng IV	99,5		99,5
9	0230	Trương Thị	Lài	21/3/1991	Nữ	Dược sĩ hạng IV	99,0		99,0
10	0259	Võ Thị Hồng	Phượng	20/9/1997	Nữ	Dược sĩ hạng IV	99,0		99,0
11	0211	Nguyễn Thiên	Ân	20/1/1988	Nữ	Dược sĩ hạng IV	98,8		98,8
12	0272	Nguyễn Thị Minh	Thương	25/11/1997	Nữ	Dược sĩ hạng IV	98,8		98,8
13	0244	Trương Thị Yên	Nga	22/7/1990	Nữ	Dược sĩ hạng IV	97,8		97,8
14	0261	Đỗ Nguyễn Ngọc	Quỳnh	31/1/1995	Nữ	Dược sĩ hạng IV	97,8		97,8
15	0214	Lê Thị Như	Ánh	3/1/1997	Nữ	Dược sĩ hạng IV	97,0		97,0
16	0215	Võ Thế	Cần	13/10/1985	Nam	Dược sĩ hạng IV	96,3		96,3
17	0305	Y	Bóng	5/4/1994	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	100,0	5,0	105,0
18	0446	Tơ Ngõl Thị	Trịnh	15/3/1996	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	99,5	5,0	104,5
19	0353	Võ Thị	Kiều	2/1/1994	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	97,8	5,0	102,8
20	0437	Bùi Thị Thương	Thương	17/3/1997	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	97,0	5,0	102,0
21	0411	Hóih	Rư	10/8/1997	Nam	Điều dưỡng hạng IV	96,5	5,0	101,5

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
22	0397	Lê Thị	Nhung	1/1/1992	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	100,0		100,0
23	0407	Lê Thị Hồng	Phương	25/2/1991	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	100,0		100,0
24	0410	Trần Thị	Quyên	20/5/1995	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	100,0		100,0
25	0341	Lê Thị	Huệ	17/4/1996	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	99,5		99,5
26	0456	Bùi Thị Thúy	Vân	10/6/1996	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	99,0		99,0
27	0316	Võ Thị	Diệu	18/10/1996	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	98,7		98,7
28	0391	Trần Thị Minh	Nguyệt	14/12/1993	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	98,0		98,0
29	0426	Trần Thị Thu	Thảo	10/8/1992	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	98,0		98,0
30	0438	Nguyễn Hoàng	Thương	21/9/1996	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	98,0		98,0
31	0394	Lưu Thị Thu	Nhi	15/12/1998	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	97,8		97,8
32	0385	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	17/5/1996	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	97,5		97,5
33	0342	Võ Thị Kim	Huệ	29/8/1988	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	97,3		97,3
34	0424	Nguyễn Thạch	Thảo	16/8/1994	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	97,0		97,0
35	0403	Võ Thị	Pháp	2/2/1990	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	96,8		96,8
36	0308	Trần Thị	Chung	8/8/1990	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	96,4		96,4
37	0389	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	24/9/1992	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	96,0		96,0
38	0432	Trần Thị	Thu	15/2/1990	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	95,9		95,9
39	0311	Hồ Thị	Đèo	5/6/1993	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	90,8	5,0	95,8
40	0340	Trần Thị	Huế	6/7/1993	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	95,8		95,8
41	0405	Hồ Thị	Phúc	5/7/1996	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	95,5		95,5
42	0434	Mai Thị Như	Thuần	8/6/1998	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	90,0	5,0	95,0
43	0430	Nguyễn Thị	Thu	23/12/1990	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	94,3		94,3
44	0381	Đào Thị	Năm	6/11/1999	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	94,0		94,0
45	0396	Dũ Thị Hòa	Nhung	2/3/1990	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	94,0		94,0
46	0453	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	25/8/1997	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	92,6		92,6
47	0406	Huỳnh Thị Hồng	Phụng	30/7/1991	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	92,0		92,0

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM UỖU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
48	0433	Vương Thị Hoài	Thu	8/9/1990	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	92,0		92,0
49	0459	Trương Thị Hoàng	Vi	22/3/1994	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	96,3		96,3
50	0400	Nguyễn Thị Kim	Oanh	22/12/1990	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	92,8		92,8
51	0354	Nguyễn Duy	Lai	19/9/1989	Nam	Điều dưỡng hạng IV	73,8		73,8
52	0466	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/11/1992	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	83,3		83,3
53	0465	Trần Thị Ngọc	Huyền	10/7/1992	Nữ	Điều dưỡng hạng IV	76,9		76,9
54	0756	Phơ Loong	Úp	19/5/1990	Nam	Kỹ thuật Y học hạng IV (Chẩn đoán hình ảnh)	89,5	5,0	94,5
55	0754	Võ Thị Thu	Nga	15/7/1996	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng IV (Chẩn đoán hình ảnh)	86,0		86,0
56	0492	Ngô Thị Lập	Xuân	21/6/1993	Nữ	Hộ sinh hạng IV	99,3		99,3
57	0477	Lương Thị	Quyên	15/11/1995	Nữ	Hộ sinh hạng IV	96,3		96,3
58	0467	Tôngô Thị	Akây	14/6/1995	Nữ	Hộ sinh hạng IV	90,0	5,0	95,0
59	0470	Võ Thị Kim	Dung	30/11/1988	Nữ	Hộ sinh hạng IV	89,5		89,5
60	0478	Lê Thị Thanh	Tâm	24/3/1999	Nữ	Hộ sinh hạng IV	86,8		86,8
61	0487	Trần Thị Thanh	Trà	9/12/1996	Nữ	Hộ sinh hạng IV	84,8		84,8
62	0490	Hiên Thị	Turu	18/9/1986	Nữ	Hộ sinh hạng IV	78,3	5,0	83,3
63	0469	Nguyễn Thị	Diễm	10/10/1990	Nữ	Hộ sinh hạng IV	81,5		81,5
64	0486	Lưu Thị Na	Tra	4/10/1990	Nữ	Hộ sinh hạng IV	78,0		78,0
65	0483	Dương Thị	Thịnh	10/3/1993	Nữ	Hộ sinh hạng IV	74,5		74,5
66	0475	Trương Thị Lộc	Ninh	18/10/1983	Nữ	Hộ sinh hạng IV	66,0	5,0	71,0
67	0484	Phơ Long	Thư	10/11/1988	Nữ	Hộ sinh hạng IV	59,8	5,0	64,8
68	0473	Nguyễn Thị Kim	Long	5/5/1995	Nữ	Hộ sinh hạng IV	62,5		62,5
69	0485	Phạm Thị	Thủy	16/5/1992	Nữ	Hộ sinh hạng IV	53,8	5,0	58,8
70	0471	Trần Thị	Huệ	25/8/1994	Nữ	Hộ sinh hạng IV	55,0		55,0
71	0474	Trịnh Thị Ánh	Ngọc	29/5/1996	Nữ	Hộ sinh hạng IV	51,5		51,5

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM UÙU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
72	0481	Lê Thị Thu	Thảo	15/11/1995	Nữ	Hộ sinh hạng IV	50,5		50,5
73	0672	Huỳnh Thị	Thiện	15/8/1996	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng IV (Xét nghiệm)	100,0		100,0
74	0652	Lê Thị Mỹ	Hạnh	20/5/1992	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng IV (Xét nghiệm)	91,0		91,0
75	0661	Lê Thị	Lệ	10/5/1993	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng IV (Xét nghiệm)	90,0		90,0
76	0667	Zorâm	Nước	15/11/2000	Nam	Kỹ thuật Y học hạng IV (Xét nghiệm)	84,0	5,0	89,0
77	0669	Nguyễn Thị Hồng	Tân	15/8/1996	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng IV (Xét nghiệm)	84,0		84,0
78	0973	BNướcch	Miêng	9/8/1990	Nam	Y sĩ hạng IV	95,5	5,0	100,5
79	0029	Trần Thị Như	Thủy	1/1/1993	Nữ	Y sĩ hạng IV	100,0		100,0
80	0057	Lại Thị	Vân	15/8/1983	Nữ	Y sĩ hạng IV	100,0		100,0
81	0052	Nguyễn Văn	Tung	3/1/1990	Nam	Y sĩ hạng IV	99,5		99,5
82	0066	Phạm Thanh	Vũ	27/10/1994	Nam	Y sĩ hạng IV	99,5		99,5
83	0067	Huỳnh Đức	Vương	20/12/1997	Nam	Y sĩ hạng IV	99,5		99,5
84	0041	Lê Thị	Trình	2/12/1991	Nữ	Y sĩ hạng IV	99,0		99,0
85	0048	Phạm Thanh	Trương	16/11/1986	Nam	Y sĩ hạng IV	99,0		99,0
86	0858	Trần Thị Phương	Dung	18/5/1991	Nữ	Y sĩ hạng IV	99,0		99,0
87	1010	Nguyễn Thị Thu	Phương	15/11/1988	Nữ	Y sĩ hạng IV	99,0		99,0
88	0944	Bùi Thị Thiên	Hương	5/2/1991	Nữ	Y sĩ hạng IV	98,5		98,5
89	0966	Trần Thị	Luyến	14/9/1982	Nữ	Y sĩ hạng IV	98,5		98,5
90	0970	Nguyễn Thị Thiên	Lý	21/10/1992	Nữ	Y sĩ hạng IV	98,5		98,5
91	0945	Hồ Thị Lan	Hương	30/10/1992	Nữ	Y sĩ hạng IV	98,0		98,0
92	0963	Trần Hoài	Linh	8/1/1996	Nam	Y sĩ hạng IV	98,0		98,0
93	0974	BNướcch	Miêng	10/4/1992	Nam	Y sĩ hạng IV	93,0	5,0	98,0
94	0975	Nguyễn Văn	Minh	4/1/1990	Nam	Y sĩ hạng IV	98,0		98,0

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM UÙU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
95	1007	Lê Thị Hồng	Phước	20/11/1993	Nữ	Y sĩ hạng IV	98,0		98,0
96	0874	Phạm Hoàng Minh	Hiền	2/5/1991	Nữ	Y sĩ hạng IV	97,5		97,5
97	0955	Nguyễn Thị	Liên	6/9/1994	Nữ	Y sĩ hạng IV	97,0		97,0
98	0999	Trần Thị Hồng	Nhung	10/5/1990	Nữ	Y sĩ hạng IV	97,0		97,0
99	1023	Đoàn Xuân	Tân	1/2/1990	Nam	Y sĩ hạng IV	92,0	2,5	94,5
100	0958	ALăng Thị	Linh	19/6/1995	Nữ	Y sĩ hạng IV	91,5	5,0	96,5
101	0960	Kiều Thị Mỹ	Linh	18/1/1994	Nữ	Y sĩ hạng IV	96,0		96,0
102	0051	Phan Minh	Tuấn	29/9/1992	Nam	Y sĩ hạng IV	90,5	5,0	95,5
103	0071	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	28/9/1993	Nữ	Y sĩ hạng IV	95,5		95,5
104	0969	Phạm Thị	Ly	9/9/1991	Nữ	Y sĩ hạng IV	95,5		95,5
105	0063	Trần Thị Ngọc	Viên	23/4/1990	Nữ	Y sĩ hạng IV	95,0		95,0
106	0977	Nguyễn Thị	My	28/5/1993	Nữ	Y sĩ hạng IV	95,0		95,0
107	0978	Trần Thị Trà	My	18/2/1994	Nữ	Y sĩ hạng IV	95,0		95,0
108	0985	Trần Ngọc	Nam	16/8/1992	Nam	Y sĩ hạng IV	95,0		95,0
109	0964	Trần Quang	Lợi	15/5/1996	Nam	Y sĩ hạng IV	94,3		94,3
110	0962	Phan Kiều	Linh	24/7/1997	Nữ	Y sĩ hạng IV	94,0		94,0
111	0968	Lê Thị Hoài	Ly	23/11/1989	Nữ	Y sĩ hạng IV	94,0		94,0
112	0961	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	19/11/1989	Nữ	Y sĩ hạng IV	93,5		93,5
113	0027	Đoàn Thị Thu	Thủy	15/12/1993	Nữ	Y sĩ hạng IV	93,0		93,0
114	0060	Nguyễn Thị Tường	Văn	10/8/1993	Nữ	Y sĩ hạng IV	93,0		93,0
115	0064	Trần Văn	Việt	1/1/1993	Nam	Y sĩ hạng IV	93,0		93,0
116	0976	Lê Thị My	My	6/10/1992	Nữ	Y sĩ hạng IV	93,0		93,0
117	0053	Huỳnh Thị	Tươi	18/9/1992	Nữ	Y sĩ hạng IV	91,5		91,5
118	0967	Trương Thị	Luyến	6/8/1990	Nữ	Y sĩ hạng IV	91,5		91,5
119	1017	Lê Đăng Quang	Quyên	12/4/1994	Nam	Y sĩ hạng IV	91,5		91,5
120	1004	Phạm Thị Thanh	Phúc	28/5/1991	Nữ	Y sĩ hạng IV	90,5		90,5

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM UÙU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
121	1018	Lê Thị Như	Quỳnh	20/3/1999	Nữ	Y sĩ hạng IV	90,5		90,5
122	0007	Trịnh Huỳnh Hoàng	Thanh	31/7/1995	Nữ	Y sĩ hạng IV	90,0		90,0
123	0070	Arát Thị	Xối	10/10/1990	Nữ	Y sĩ hạng IV	85,0	5,0	90,0
124	0832	Arát Thị	ACom	2/6/1990	Nữ	Y sĩ hạng IV	85,0	5,0	90,0
125	0979	Võ Thiện Hạ	My	12/2/1996	Nữ	Y sĩ hạng IV	90,0		90,0
126	0988	Mai Nguyên	Nghĩa	30/7/1994	Nam	Y sĩ hạng IV	90,0		90,0
127	0047	Trần Trọng	Trung	16/2/1991	Nam	Y sĩ hạng IV	89,0		89,0
128	0050	Đặng Công	Tuấn	4/8/1995	Nam	Y sĩ hạng IV	89,0		89,0
129	0891	Phạm Duy	Hưng	10/12/1990	Nam	Y sĩ hạng IV	88,0		88,0
130	1019	Nguyễn Thị Mộng	Quỳnh	20/3/1993	Nữ	Y sĩ hạng IV	87,5		87,5
131	0058	Nguyễn Thị Hiền	Vân	15/3/1994	Nữ	Y sĩ hạng IV	87,0		87,0
132	0954	Nguyễn Thị	Lệ	8/12/1996	Nữ	Y sĩ hạng IV	87,0		87,0
133	0003	Nguyễn Thị	Thái	20/6/1991	Nữ	Y sĩ hạng IV	86,5		86,5
134	0965	Trần Đắc	Lực	24/12/1986	Nam	Y sĩ hạng IV	86,0		86,0
135	1012	Võ Thị Xuân	Phương	2/5/1987	Nữ	Y sĩ hạng IV	85,3		85,3
136	0033	Nguyễn Văn	Tiến	29/10/1992	Nam	Y sĩ hạng IV	85,0		85,0
137	0034	Đặng Thị	Tin	5/8/1971	Nữ	Y sĩ hạng IV	80,0	5,0	85,0
138	0992	Nguyễn Thị	Nguyên	28/9/1972	Nữ	Y sĩ hạng IV	85,0		85,0
139	1015	Bùi Minh	Quốc	27/4/1993	Nam	Y sĩ hạng IV	84,5		84,5
140	0867	Phạm Văn	Hải	1/2/1993	Nam	Y sĩ hạng IV	79,0	2,5	81,5
141	1021	Châu Văn	Sắt	20/1/1991	Nam	Y sĩ hạng IV	78,0	5,0	83,0
142	0859	Võ Thị Tuyết	Dung	15/3/1997	Nữ	Y sĩ hạng IV	82,5		82,5
143	0886	Đinh Thị	Hội	17/6/1989	Nữ	Y sĩ hạng IV	77,5	5,0	82,5
144	1020	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	28/7/1995	Nữ	Y sĩ hạng IV	82,0		82,0
145	0025	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	10/7/1994	Nữ	Y sĩ hạng IV	81,5		81,5
146	0991	Nguyễn Thị	Ngọc	25/5/1992	Nữ	Y sĩ hạng IV	81,5		81,5

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM UÙU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
147	0046	Trịnh Văn	Trọng	8/6/1993	Nam	Y sĩ hạng IV	81,0		81,0
148	0068	Phan Thị Tường	Vy	23/8/1993	Nữ	Y sĩ hạng IV	81,0		81,0
149	0982	Võ Thị	Mỹ	12/9/1995	Nữ	Y sĩ hạng IV	81,0		81,0
150	0004	Lê Thị Hồng	Thắm	23/2/1992	Nữ	Y sĩ hạng IV	80,5		80,5
151	0949	Ngô Thị	Huyền	21/11/1997	Nữ	Y sĩ hạng IV	80,3		80,3
152	1001	Nguyễn Hoàng	Phi	3/12/1993	Nam	Y sĩ hạng IV	80,3		80,3
153	0847	Ngô Thành	Chiến	1/4/1992	Nam	Y sĩ hạng IV	80,0		80,0
154	0861	Nguyễn Thị	Duyên	21/1/1993	Nữ	Y sĩ hạng IV	80,0		80,0
155	0882	Huỳnh Thị	Hòa	22/1/1994	Nữ	Y sĩ hạng IV	80,0		80,0
156	0947	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/2/1994	Nữ	Y sĩ hạng IV	80,0		80,0
157	0022	Phan Thị	Thương	30/11/1990	Nữ	Y sĩ hạng IV	74,3	5,0	79,3
158	1006	Trần Thị Hồng	Phúc	12/12/1995	Nữ	Y sĩ hạng IV	95,0		95,0
159	0032	Nguyễn Thị	Tiên	1/1/1991	Nữ	Y sĩ hạng IV	74,0		74,0
160	0002	Vũ Hoàng	Tấn	27/4/1982	Nam	Y sĩ hạng IV	62,0	2,5	64,5
161	0077	Lưu Thị Lâm	Kiều	1/11/1990	Nữ	Y sĩ hạng IV	99,0		99,0
162	0076	Đặng Nguyễn Hạnh	Duyên	7/12/1998	Nữ	Y sĩ hạng IV	85,5		85,5
163	0128	Hồ Thị	Thuần	30/6/1985	Nữ	Y sĩ hạng IV	99,0	5,0	104,0
164	0078	Hồ Thị	Bân	13/7/1991	Nữ	Y sĩ hạng IV	100,0		100,0
165	0129	Võ Thị Thủy	Tiên	18/2/1991	Nữ	Y sĩ hạng IV	99,5		99,5
166	0133	Nguyễn Thị Lệ	Trang	16/12/1991	Nữ	Y sĩ hạng IV	99,0		99,0
167	0135	Phạm Quang	Trọng	1/10/1996	Nam	Y sĩ hạng IV	99,0		99,0
168	0130	Bùi Anh	Toàn	11/1/1985	Nam	Y sĩ hạng IV	98,5		98,5
169	0132	Hồ Thị	Trang	28/8/1989	Nữ	Y sĩ hạng IV	97,5		97,5
170	0136	Huỳnh Thị Ánh	Tuyết	1/6/1994	Nữ	Y sĩ hạng IV	97,5		97,5
171	0122	Nguyễn Thị	Sen	15/12/1995	Nữ	Y sĩ hạng IV	93,5		93,5
172	0127	Nguyễn Thanh	Thoàn	18/10/1995	Nam	Y sĩ hạng IV	91,5		91,5

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM UÙU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
173	0097	Nguyễn Văn	Hòa	21/9/1989	Nam	Y sĩ hạng IV	90,0		90,0
174	0131	Trần Văn	Toàn	4/5/1986	Nam	Y sĩ hạng IV	85,0	5,0	90,0
175	0137	Nguyễn Tăng Thị	Vị	28/10/1994	Nữ	Y sĩ hạng IV	90,0		90,0
176	0123	Hồ Quang	Thành	17/6/1996	Nam	Y sĩ hạng IV	85,5		85,5
177	0116	Nguyễn Thị	Phượng	11/9/1994	Nữ	Y sĩ hạng IV	83,5		83,5
178	0121	Nguyễn Thị	Quyển	8/6/1989	Nữ	Y sĩ hạng IV	81,5		81,5
179	0080	Nguyễn Việt	Cần	5/4/1989	Nam	Y sĩ hạng IV	73,0	5,0	78,0
180	0138	Bùi Hoàng	Việt	11/11/1998	Nam	Y sĩ hạng IV	78,0		78,0
181	0100	Trần Thị Mỹ	Kim	15/1/1997	Nữ	Y sĩ hạng IV	76,0		76,0
182	0110	Nguyễn Ngọc	Niên	12/10/1991	Nam	Y sĩ hạng IV	72,0		72,0
183	0102	Lê Văn	Luận	16/6/1991	Nam	Y sĩ hạng IV	71,0		71,0
184	0124	Đinh Thị Ngọc	Thảo	22/8/1998	Nữ	Y sĩ hạng IV	71,0		71,0
185	0141	Lưu Thị Thanh	Hương	20/6/1993	Nữ	Y sĩ hạng IV	99,5		99,5
186	0144	Trà Thị Liên	Phượng	4/3/1990	Nữ	Y sĩ hạng IV	99,0		99,0
187	0148	Mai Xuân	Trọng	24/4/1989	Nam	Y sĩ hạng IV	94,0	5,0	99,0
188	0145	Nguyễn Thị Hồng	Sâm	19/2/1990	Nữ	Y sĩ hạng IV	97,0		97,0
189	0140	Bùi Xuân	Bằng	25/9/1987	Nam	Y sĩ hạng IV	80,5	5,0	85,5
190	0142	Lê Đức	Lợi	20/12/1995	Nam	Y sĩ hạng IV	83,5		83,5
191	0084	Hồ Thị	Chung	1/7/1994	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng IV (Phục hồi chức năng)	99,0		99,0
192	0087	Nguyễn Thị Kim	Mai	7/6/1997	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng IV (Phục hồi chức năng)	97,8		97,8
193	0085	Đinh Thị Kim	Lài	30/8/1990	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng IV (Phục hồi chức năng)	97,5		97,5
194	0088	Võ Đình	Thiện	1/2/1994	Nam	Kỹ thuật Y học hạng IV (Phục hồi chức năng)	97,3		97,3
195	0090	Đinh Công	Ý	18/12/1994	Nam	Kỹ thuật Y học hạng IV (Phục hồi chức năng)	97,0		97,0

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM UÙ TIÊN	TỔNG ĐIỂM
196	0089	Nguyễn Thị Minh	Thư	11/1/1994	Nữ	Kỹ thuật Y học hạng IV (Phục hồi chức năng)	93,5		93,5

Danh sách gồm 196 người trúng tuyển./.

Phụ lục III
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2021
(DÂN SỐ VIÊN HẠNG III, IV)

(Kèm theo Quyết định số: 3050/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
1	407	Lê Thị Thúy	Phuong	8/8/1984	Nữ	Dân số viên hạng III	96,8	5,0	101,8
2	924	Hồ Thị	Danh	5/7/1992	Nữ	Dân số viên hạng III	94,8	5,0	99,8
3	1069	Huỳnh Thị Thu	Hiền	17/2/1995	Nữ	Dân số viên hạng III	99,5		99,5
4	703	Alăng thị	Kết	3/3/1988	Nữ	Dân số viên hạng III	93,3	5,0	98,3
5	706	Briú Thị	Ngư	28/12/1986	Nữ	Dân số viên hạng III	92,8	5,0	97,8
6	238	Trần Thị Mỹ	Hạnh	14/12/1986	Nữ	Dân số viên hạng III	97,5		97,5
7	700	Nguyễn Thị Thiên	Trang	10/10/1990	Nữ	Dân số viên hạng III	94,5		94,5
8	766	Zorâm	Bung	20/10/1981	Nam	Dân số viên hạng III	89,0	5,0	94,0
9	606	Lê Văn	Nam	15/4/1983	Nam	Dân số viên hạng III	94,0		94,0
10	583	Vũ Trần Khánh	Đoan	6/11/1987	Nữ	Dân số viên hạng III	93,3		93,3
11	925	Hồ Thị Yến	Dinh	14/6/1984	Nữ	Dân số viên hạng III	86,8	5,0	91,8
12	705	Briú Thị	Sâm	17/8/1986	Nữ	Dân số viên hạng III	83,3	5,0	88,3
13	702	Bling	Phối	16/5/1989	Nữ	Dân số viên hạng III	83,0	5,0	88,0
14	911	Hồ Thị	Dương	2/4/1985	Nữ	Dân số viên hạng III	82,5	5,0	87,5
15	607	Lê Thị Bích	Nguyệt	16/5/1987	Nữ	Dân số viên hạng III	87,3		87,3
16	237	Ngô Minh Hoài	Tâm	9/3/1994	Nữ	Dân số viên hạng III	87,3		87,3
17	704	Hôihi thị	Yếu	12/3/1988	Nữ	Dân số viên hạng III	82,2	5,0	87,2
18	408	Võ Thị	Xuân	20/9/1986	Nữ	Dân số viên hạng III	87,0		87,0
19	910	Trần Thị Kim	Ánh	15/5/1974	Nữ	Dân số viên hạng III	80,3	5,0	85,3

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM UỖ TIÊN	TỔNG ĐIỂM
20	701	Brúu	Bao	19/4/1992	Nam	Dân số viên hạng III	80,3	5,0	85,3
21	1030	Ung Thị	Thảo	18/9/1986	Nữ	Dân số viên hạng III	85,0		85,0
22	236	Trương Thị Ngọc	Phượng	23/4/1989	Nữ	Dân số viên hạng III	84,5		84,5
23	698	Alăng	Thór	14/1/1989	Nam	Dân số viên hạng III	79,5	5,0	84,5
24	767	Zorâm	Việt	26/10/1981	Nam	Dân số viên hạng III	79,5	5,0	84,5
25	483	BNướch Thị	Gương	10/5/1976	Nữ	Dân số viên hạng III	73,8	5,0	78,8
26	207	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	20/12/1983	Nữ	Dân số viên hạng III	78,5		78,5
27	582	Nguyễn Thị Thu	Thảo	7/1/1996	Nữ	Dân số viên hạng III	77,0		77,0
28	482	Zơ Râm	Hà	20/10/1993	Nam	Dân số viên hạng III	65,5	5,0	70,5
29	699	Hồ Thị	Úa	4/5/1984	Nữ	Dân số viên hạng III	52,5	5,0	57,5
30	328	Nguyễn Thị	Phương	12/1/1993	Nữ	Dân số viên hạng IV	99,5	5,0	104,5
31	778	Võ Thị Thanh	Tĩnh	21/7/1988	Nữ	Dân số viên hạng IV	99,0		99,0
32	458	Nguyễn Thị Như	Linh	9/9/1990	Nữ	Dân số viên hạng IV	98,5		98,5
33	426	Nguyễn Thị	Phương	8/4/1995	Nữ	Dân số viên hạng IV	97,8		97,8
34	1071	Phạm Nguyễn Công	Thắng	30/4/1986	Nam	Dân số viên hạng IV	95,3		95,3
35	413	Lê Thị Mỹ	Hạnh	18/2/1993	Nữ	Dân số viên hạng IV	95,0		95,0
36	327	Lưu Thị Minh	Tâm	13/3/1993	Nữ	Dân số viên hạng IV	94,0		94,0
37	412	Võ Thị Thu	Thùy	24/1/1996	Nữ	Dân số viên hạng IV	94,0		94,0
38	1070	Bùi Thị Như	Huyền	23/10/1991	Nữ	Dân số viên hạng IV	92,0		92,0
39	428	Dương Thị Tú	Trinh	26/1/1990	Nữ	Dân số viên hạng IV	91,8		91,8
40	420	Phạm Thị Phương	Thảo	20/10/1988	Nữ	Dân số viên hạng IV	90,7		90,7
41	679	Mai Thị	Hường	1/7/1993	Nữ	Dân số viên hạng IV	88,5		88,5
42	241	Lê Thị	Thông	10/2/1991	Nữ	Dân số viên hạng IV	88,1		88,1

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
43	768	Alăng	Nước	27/7/1990	Nữ	Dân số viên hạng IV	82,0	5,0	87,0
44	239	Phạm Thị Kim	Thoa	24/11/1993	Nữ	Dân số viên hạng IV	86,0		86,0
45	411	Phạm Lê Thanh	Thanh	26/6/1996	Nữ	Dân số viên hạng IV	85,6		85,6
46	421	Nguyễn Thị	Trị	1/1/1989	Nữ	Dân số viên hạng IV	85,1		85,1
47	424	Phan Thị Thu	Hồng	6/10/1990	Nữ	Dân số viên hạng IV	84,0		84,0
48	678	Trần Thị Thu	Thảo	24/10/1992	Nữ	Dân số viên hạng IV	79,1		79,1
49	777	Nguyễn Thị	Dung	15/10/1969	Nữ	Dân số viên hạng IV	76,8		76,8
50	1072	Võ Thị Linh	Phuong	11/11/1986	Nữ	Dân số viên hạng IV	76,7		76,7
51	961	Lê Duy	Anh	11/4/1996	Nam	Dân số viên hạng IV	75,8		75,8
52	414	Vương Thị Trúc	Linh	24/9/1993	Nữ	Dân số viên hạng IV	71,0		71,0
53	960	Nguyễn Đại	Duy	1/2/1994	Nam	Dân số viên hạng IV	70,5		70,5
54	480	Plong	Pham	3/11/1991	Nữ	Dân số viên hạng IV	65,0	5,0	70,0
55	966	Phạm Thị	Xoan	15/4/1987	Nữ	Dân số viên hạng IV	65,0	5,0	70,0
56	429	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	15/12/1991	Nữ	Dân số viên hạng IV	67,9		67,9
57	423	Nguyễn Thị	Duyên	12/12/1990	Nữ	Dân số viên hạng IV	66,3		66,3
58	769	Phan Thị Tuyết	Trinh	11/12/1995	Nữ	Dân số viên hạng IV	64,5		64,5
59	988	Nguyễn Thị	Bé	1/1/1990	Nữ	Dân số viên hạng IV	56,0	5,0	61,0
60	240	Trần Thị	Thê	20/4/1989	Nữ	Dân số viên hạng IV	59,9		59,9
61	989	Hoàng Thị Mỹ	Lương	12/12/1987	Nữ	Dân số viên hạng IV	52,0	5,0	57,0
62	409	Đỗ Thị	Vy	26/6/1995	Nữ	Dân số viên hạng IV	57,0		57,0
63	986	Trần Thị	Linh	20/1/1984	Nữ	Dân số viên hạng IV	51,5	5,0	56,5
64	770	Bnước	ChBách	8/10/1986	Nữ	Dân số viên hạng IV	51,3	5,0	56,3
65	481	Hóih Thị	Đêm	20/9/1993	Nữ	Dân số viên hạng IV	50,8	5,0	55,8

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
66	410	Nguyễn Thị Phương	Thư	8/4/1995	Nữ	Dân số viên hạng IV	51,3		51,3

Danh sách gồm 66 người trúng tuyển./.

Phụ lục IV**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH QUẢNG NAM
NĂM 2021 (VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH HẠNG III, IV)***(Kèm theo Quyết định số: 3050/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)*

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
1	0704	Phan Anh	Thống	10/10/1979	Nam	Kỹ sư hạng III (xây dựng dân dụng và công nghiệp)	75,0	5,0	80,0
2	0721	Bùi Thị Kim	Hoàng	1/11/1991	Nữ	Kỹ sư hạng III (công nghệ môi trường, hóa phân tích môi trường)	100,0		100,0
3	0723	Lê Thị Hồng	Trinh	7/11/1991	Nữ	Kỹ sư hạng III (công nghệ môi trường, hóa phân tích môi trường)	70,5		70,5
4	0727	Trịnh Nguyên Khánh	Hòa	7/10/1989	Nữ	Kỹ sư hạng III (công nghệ thực phẩm, công nghệ thực phẩm sinh học, hóa thực phẩm)	98,5		98,5
5	0729	Châu Thị Trinh	Thoa	15/11/1989	Nữ	Kỹ sư hạng III (công nghệ thực phẩm, công nghệ thực phẩm sinh học, hóa thực phẩm)	97,3		97,3
6	0733	Lê Văn	Trọng	16/6/1989	Nam	Kỹ sư hạng III (công nghệ thực phẩm, công nghệ thực phẩm sinh học, hóa thực phẩm)	95,3		95,3
7	0731	Huỳnh Thị Hồng	Trang	15/12/1998	Nữ	Kỹ sư hạng III (công nghệ thực phẩm, công nghệ thực phẩm sinh học, hóa thực phẩm)	81,8		81,8

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
8	0726	Đinh Văn	Đông	26/5/1983	Nam	Kỹ sư hạng III (công nghệ thực phẩm, công nghệ thực phẩm sinh học, hóa thực phẩm)	76,0		76,0
9	0734	Hồ Hữu	Vang	24/3/1975	Nam	Kỹ sư hạng III (công nghệ thực phẩm, công nghệ thực phẩm sinh học, hóa thực phẩm)	50,0		50,0
10	0715	Trương Ngọc	Sĩ	1/9/1989	Nam	Quản trị viên hệ thống hạng III	65,5		65,5
11	0714	Lê Đỗ Thanh	Quốc	10/1/1992	Nam	Quản trị viên hệ thống hạng III	55,8		55,8
12	0718	Lê Đắc Bảo	Thiệu	17/8/1990	Nam	Quản trị viên hệ thống hạng III	50,0		50,0
13	0696	Lương Thế	Hùng	10/11/1991	Nam	Quản trị viên hệ thống hạng IV	83,5		83,5
14	0698	Phan Văn	Phi	25/2/1993	Nam	Quản trị viên hệ thống hạng IV	66,3	5,0	71,3
15	0699	Trần Ngọc	Quân	1/1/1986	Nam	Quản trị viên hệ thống hạng IV	60,3		60,3
16	0697	Lê Đức	Nam	18/3/1991	Nam	Quản trị viên hệ thống hạng IV	50,5	5,0	55,5
17	0766	Nguyễn Thị Hồng	Tuyên	28/6/1991	Nữ	Cán sự	74,3		74,3
18	0761	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	1/5/1993	Nữ	Chuyên viên	97,5		97,5

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
19	0760	Nguyễn Thị	Sen	10/10/1989	Nữ	Chuyên viên	84,5		84,5
20	0757	Phan Thị Hồng	Diệp	18/6/1990	Nữ	Chuyên viên	79,0		79,0
21	0763	Lương Thị Thanh	Vân	1/1/1992	Nữ	Chuyên viên	66,5		66,5
22	0515	Nguyễn Đình	Chinh	24/5/1991	Nam	Kế toán viên	96,3	5,0	101,3
23	0518	Trần Thị Ngọc	Diệp	13/9/1990	Nữ	Kế toán viên	98,5		98,5
24	0540	Đỗ Quỳnh	Nhung	3/11/1991	Nữ	Kế toán viên	95,5		95,5
25	0525	Hoàng Thị	Hoa	22/8/1989	Nữ	Kế toán viên	94,5		94,5
26	0694	Trịnh Thị Thúy	Vinh	1/7/1990	Nữ	Kế toán viên	88,0	5,0	93,0
27	0529	Nguyễn Thị	Liêu	30/12/1985	Nữ	Kế toán viên	92,5		92,5
28	0690	Phạm Hoàng Minh	Tú	15/9/1990	Nam	Kế toán viên	86,0		86,0
29	0693	Trần Hoàng	Uyên	13/11/1991	Nữ	Kế toán viên	84,0		84,0

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
30	0689	Huỳnh Thị Diễm	Trí	30/12/1989	Nữ	Kế toán viên	83,5		83,5
31	0513	Phan Thị Thanh	Bình	20/4/1993	Nữ	Kế toán viên	81,8		81,8
32	0522	Trịnh Thị Quỳnh	Giao	1/6/1989	Nữ	Kế toán viên	79,8		79,8
33	0682	Đỗ Hữu	Thi	10/9/1990	Nam	Kế toán viên	73,8	5,0	78,8
34	0687	Hồ Trần Thị	Trang	1/5/1989	Nữ	Kế toán viên	75,5		75,5
35	0524	Trần Thị	Hạnh	22/7/1985	Nữ	Kế toán viên	74,5		74,5
36	0528	Văn Thị Nhung	Huyền	13/6/1988	Nữ	Kế toán viên	68,0	5,0	73,0
37	0768	Nguyễn Thanh	Hậu	24/7/1987	Nam	Kế toán viên trung cấp	84,0		84,0
38	0767	Trần Thị Thủy	Chung	20/4/1993	Nữ	Kế toán viên trung cấp	50,5	5,0	55,5
39	0772	Trần Thị Thanh	Trà	1/5/2000	Nữ	Kế toán viên trung cấp	51,0		51,0
40	0738	Khuru Minh	Thắng	4/4/1994	Nam	Văn thư viên	89,0	5,0	94,0

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (Sau phúc khảo)	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM
41	0739	Hà Thị Phương	Thảo	3/2/1995	Nữ	Văn thư viên	88,0		88,0
42	0736	Lê Thị	Dưỡng	10/3/1982	Nữ	Văn thư viên	80,0		80,0
43	0735	Hồ Thị	Chăm	28/11/1996	Nữ	Văn thư viên	69,5	5,0	74,5
44	0740	Trương Thị Như	Ý	14/1/1997	Nữ	Văn thư viên	60,5		60,5
45	0774	Nguyễn Viết	Thạnh	4/6/1998	Nam	Phóng viên hạng III	82,0		82,0
46	0775	Nguyễn Thị Hà	Vy	14/7/1987	Nữ	Phóng viên hạng III	73,0		73,0
47	0773	Lê Thị Thùy	An	6/5/1989	Nữ	Phóng viên hạng III	66,0		66,0
48	0741	Phan Thị Hồng	Anh	10/7/1985	Nữ	Văn thư viên trung cấp	98,0		98,0
49	0744	Phan Lê Diệu	Ngọc	1/1/1982	Nữ	Văn thư viên trung cấp	78,5		78,5

Danh sách gồm 49 người trúng tuyển./.